TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2026/LĐ-ST Ngày 27-3-2026 V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan

Bà Phùng Ngọc Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số 02/2026/TLST-LĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M; sinh ngày 11/01/1981, căn cước công dân số: 031181002038, địa chỉ: Tổ dân phố D, phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Bucheon Việt Nam; địa chỉ: nhà xưởng C3-6, Lô C3, khu công nghiệp Tràng Duệ thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường An Phong, Hải Phòng.

Đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Hiền nhân viên phòng Hành chính tư pháp (Giấy ủy quyền ngày 30/01/2026); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 24/06/1975, căn cước công dân số: 031175004309, địa chỉ: Số 87/169 T6 C1 Tổ dân phố Đ, phường G, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở An Dương; địa chỉ: Số 16 đường 351, phường An Dương, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hải – Phó Giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/11/2024); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2026 và bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Năm 2017 chị M có đi phỏng vấn xin việc làm tại công ty TNHH Bucheon Việt Nam nhưng không trúng tuyển. Sau đó, công ty TNHH Bucheon có trả hồ sơ lại cho ứng viên không trúng tuyển vào làm việc tại công ty. Do công ty không thông báo trả lại hồ sơ cho người không trúng tuyển nên chị M không biết mình được trả lại hồ sơ; không đến công ty TNHH Bucheon Việt Nam để nhận lại.

Không hiểu vì sao, chị Nguyễn Thị Lan H đã có được hồ sơ của chị M và đã lấy hồ sơ, thông tin của chị M và thay ảnh của mình vào phỏng vấn xin việc làm tại công ty TNHH Bucheon Việt Nam và đã được ký hợp đồng lao động từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020 bằng thông tin của chị M. Công ty TNHH Bucheon đã dùng thông tin của chị M để làm Bảo hiểm xã hội cho chị H tại Bảo hiểm xã hội An Dương từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020.

Khi chị M nghỉ việc tại công ty đang làm và làm thủ tục để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần thì cơ quan Bảo hiểm xã hội An Dương báo là cùng một thời điểm chị M tham gia bảo hiểm xã hội ở 2 công ty TNHH Bucheon Việt Nam và công ty cổ phần bao bì Phương Trung. Tổng thời gian đóng trùng Bảo hiểm xã hội là 2 năm 11 tháng. Chị M có quay lại công ty TNHH Bucheon Việt Nam để khiếu nại thì được biết bà Nguyễn Thị Lan H đã lấy hồ sơ của chị M để làm việc và đóng bảo hiểm xã hội.

Vậy chị M đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020 đứng tên Trần Thị M với công ty TNHH Bucheon Việt Nam là vô hiệu. Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn công ty TNHH Bucheon Việt Nam và đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:

Công ty TNHH Bucheon Việt Nam xác nhận có ký hợp đồng lao động với người lao động có tên Trần Thị M, sinh ngày 11/01/1981, địa chỉ thường trú tại Đặng Cương, An Dương, Hải Phòng, với số CCCD 031181002038, cấp ngày 17/09/2015 tại công an Hải Phòng với những hợp đồng lao động số 1707017HĐLĐ/BCVN, 1801649HĐLĐ/BCVN, 1901160HĐLĐ/BCVN.

Sau khi ký kết hợp đồng lao động, Công ty đã sử dụng toàn bộ giấy tờ trên để thực hiện thủ tục đóng bảo hiểm xã hội cho Trần Thị M theo quy định pháp luật, với số sổ Bảo hiểm xã hội là 3116117659 từ tháng 07/2017 đến hết tháng 05/2020. Ngày 01/06/2020, người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, sổ Bảo hiểm xã hội đã chốt đến hết tháng 12/2019 và Công ty ngừng đóng Bảo hiểm xã hội kể từ

thời điểm nghỉ việc. Tuy nhiên, Công ty được biết người ký hợp đồng lao động và làm việc thực tế không phải chị Trần Thị M, mà là chị Nguyễn Thị Lan H (sinh ngày 24/06/1975, đăng ký thường trú tại tổ dân phố 1, Phường D, thành phố Hải Phòng). Sự việc xuất phát từ sai sót của bộ phận tuyển dụng trước đây khi không kiểm tra kỹ các giấy tờ trong hồ sơ xin việc.

Nay, chị Trần Thị M nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị M (thực tế là chị Nguyễn Thị Lan H) và Công ty TNHH Bucheon Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020. Công ty TNHH Bucheon Việt Nam hoàn toàn đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết hủy hợp đồng lao động theo yêu cầu của chị M. Công ty không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Do bận công việc, Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đối với Công ty trong các buổi làm việc và tại các phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lan H trình bày:

Chị H không có quan hệ hay có quen biết gì với chị Trần Thị M. Tháng 6/2017 chị M có xin bảo vệ bộ hồ sơ mang tên Trần Thị M. Sau đó chị H đã sử dụng bộ hồ sơ của chị M để ký hợp đồng lao động với công ty TNHH Bucheon Việt Nam.

Sau khi ký hợp đồng thì chị H là người trực tiếp làm việc tại công ty và sử dụng toàn bộ giấy tờ của chị M để hưởng lương, đóng bảo hiểm xã hội của công ty TNHH Bucheon Việt Nam. Đến ngày 01/06/2020, chị H chấm dứt hợp đồng lao động, sổ Bảo hiểm xã hội đã chốt đến hết tháng 12/2019 và Công ty ngừng đóng Bảo hiểm xã hội kể từ thời điểm nghỉ việc.

Nay chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị M và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm Xã hội cơ sở An Dương - Ông Nguyễn Văn Hải trình bày:

Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, có người lao động tên là Trần Thị M, sinh ngày 11/01/1981, CCCD số 031181002038, mã số Bảo hiểm xã hội 3116117659 tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Bucheon VN từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020; và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020. Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí tử tuất đến tháng 05/2020 là 02 năm 11 tháng. Thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 05/2020 là 02 năm 11 tháng.

Nay chị Trần Thị M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Bảo hiểm xã hội cơ sở An Dương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội cơ sở An Dương không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt Bảo hiểm xã hội cơ sở An Dương trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 117, 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50, Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị Lan H (sử dụng tên Trần Thị M) với với Công ty TNHH Bucheon Việt Nam trong thời gian từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020 là hợp đồng vô hiệu. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH Bucheon Việt Nam; địa chỉ: Nhà xưởng C3-6, Lô C3, khu công nghiệp Tràng Duệ thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường An Phong, thành phố Hải Phòng yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 theo quy định tại khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có căn cứ để xác định: Vào thời gian từ tháng 07/2017 đến hết tháng 05/2020 chị Nguyễn Thị Lan H đã lấy hồ sơ cá nhân của chị Trần Thị M để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Bucheon Việt Nam dưới tên là Trần Thị M. Do đó, chị Trần Thị M, sinh ngày 11/01/1981, CCCD số 031181002038, mã số Bảo hiểm xã hội 3116117659 tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Bucheon VN từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020.

Việc chị H sử dụng hồ sơ cá nhân của chị M để giao kết các hợp đồng lao động với Công ty TNHH Bucheon Việt Nam là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác,

tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, hợp đồng lao động được hai bên giao kết là hợp đồng không có hiệu lực và căn cứ các điều 122, 123 và 132 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị Lan H (sử dụng tên Trần Thị M) với Công ty TNHH Bucheon Việt Nam trong thời gian từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020 là hợp đồng vô hiệu.

[4] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; bị đơn đã được Tòa án giải thích về việc có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu nhưng hết thời hạn được thông báo bị đơn không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Về án phí: Xét, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 117, 122, 123, 132 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị M; cụ thể như sau:

Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Trần Thị M với Công ty TNHH Bucheon Việt Nam trong thời gian từ tháng 07/2017 đến tháng 05/2020 là hợp đồng vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Chị M đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001161 ngày 26/01/2026 Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thu Lan **Phùng Ngọc Anh** **Phạm Tuấn Anh**